TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/03/2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quang Thuần.
2. Ông Dương Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 568/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lý Trín N**,** S năm: 1980.
Địa chỉ: Số 81, phố 4, ấp 2, xã Phú Lợi, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
2.Bị đơn: Anh Diệp Sáng S, S năm: 1976.
Địa chỉ: Số 65A, khu 1, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N và anh S có đơn đề nghị xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2019, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/12/2019, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt; nguyên đơn chị Lý Trín N trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/3/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, thậm chí càng ngày vợ chồng càng xúc phạm nhau. Chị đã cố gắng chịu đựng nhưng cuộc sống vợ chồng không thể yên ấm. Từ tháng 7/2019 cho đến nay thì vợ chồng chị

đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh S cũng không có thiện chí hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Diệp Sáng S.

- Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Diệp Sềnh Phún, S ngày 20/4/2003 và Diệp Sềnh Hỷ, S ngày 27/11/2005. Chị giao cả 02 con chung cho anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị và anh S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/12/2019 bị đơn anh Diệp Sáng S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/3/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N nghi ngờ ghen tuông khi anh gọi điện, nhắn tin cho bạn nhưng thực tế không phải vậy. Chị N ghen không đúng mà không xin lỗi, còn bỏ về nhà mẹ ruột sống ly thân với anh. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị Lý Trín N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Diệp Sềnh Phún, S ngày 20/4/2003 và Diệp Sềnh Hỷ, S ngày 27/11/2005. Anh đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử và cấp, tống đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh S đã mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và anh S cũng đồng ý ly hôn với chị N. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Đối với 02 con chung là Diệp Sềnh Phún, S ngày 20/4/2003 và Diệp Sềnh Hỷ, S ngày 27/11/2005 hiện đang do anh S nuôi và bảo đảm phát triển bình thường, chị N cũng đồng ý giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Tòa án giao cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm thời chị N

không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh S chưa yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lý Trín N và anh Diệp Sáng S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Diệp Sáng S cư trú tại số 65A, khu 1, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Lý Trín N khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Chị N và anh S đăng ký kết hôn năm 2003 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Trí N và anh Diệp Sáng S tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/3/2003 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị N xin ly hôn với lý do vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 và hiện nay chị không còn tình cảm với anh S. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh S xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, giữa chị N và anh S đã chấm dứt đời sống chung của vợ chồng. Xét thấy, Điều của 18 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định "Vợ chồng chung thuỷ, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững". Tuy nhiên, kể từ năm 2019 đến nay, anh S và chị N không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nên có đủ cơ sở kết luận vợ chồng anh S và chị N thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ (bút lục 29, 30). Tòa án đã mời anh S làm việc và anh S cũng đồng ý ly hôn (bút lục 28). Vì vậy, chị N xin ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

Về con chung: Chị N và anh S có 02 con chung là Diệp Sềnh Phún, S ngày 20/4/2003 và Diệp Sềnh Hỷ, S ngày 27/11/2005 hiện đang do anh S nuôi dưỡng. Anh S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Cháu Phún và Cháu Hỷ có nguyện vọng ở với anh S. Chị N cũng đồng ý với yêu

cầu của anh S nên giao con chung cho anh S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị N không phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, chị N có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị N, anh S có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Lý Trín N phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Trí N. Chị Lý Trí N N được ly hôn với anh Diệp Sáng S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Diệp Sềnh Phún, S ngày 20/4/2003 và Diệp Sềnh Hỷ, S ngày 27/11/2005 cho anh Diệp Sáng S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Tạm thời chị Lý Trí N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Diệp Sáng S chưa yêu cầu.

Chị Lý Trí N có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị N và anh S có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lý Trín N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0002694 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành tiền án phí. Chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Trín N và anh Diệp Sáng S được

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu.

Phan Thanh Hà